TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 41/2019/QĐST-HNGĐ	*Võ Nhai, ngày 20 tháng 05 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019, giữa: Ông Luân Mạnh A – Địa chỉ: Xóm LH, xã L, huyện Vi, tỉnh Thái Nguyên và bà Trương Thị TA - Địa chỉ: Xóm LH, xã L, huyện Vi, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 05 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 05 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Luân Mạnh A và bà Trương Thị TA.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ vợ chồng: Ông Luân Mạnh A và bà Trương Thị TA thuận tình ly hôn.

2.2.Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3.Về tài sản chung: Các bên đương sự đã tự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau:

2.3.1. Ông Luân Mạnh A có toàn quyền quản lý, sử dụng khối tài sản chung của vợ chồng gồm:

- ½ nhà cột gỗ *(phần tường xây gạch)* tương ứng 02 gian và 03 hàng cột.

- 2.550m2 đất thuộc Thửa số 324 Tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã L gồm: 200m2 đất ở và 2.350m2 đất trồng cây lâu năm. Trong đó có 200m2 đất ở và 160m2 đất trồng cây lâu năm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Luân Mạnh A *(Theo Giấy chứng nhận QSD đất T697282 số vào sổ cấp giấy 01544 do UBND huyện Võ Nhai cấp ngày 30/12/2001)*, diện tích 2.190m2 còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

2.3.2.Bà Trương Thị TA có toàn quyền quản lý, sử dụng khối tài sản chung của vợ chồng gồm:

-½ nhà cột gỗ *(phần tường chát tooc xi)* tương ứng 02 gian và 02 hàng cột.

- Thửa số 274 Tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã L có diện tích 566,8m2 mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, đối chiếu tương ứng là một phần của Thửa đất số 455 Tờ Bản đồ giải thửa số 16 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Luân Mạnh A *(Theo Giấy chứng nhận QSD đất T697282 số vào sổ cấp giấy 01544 do UBND huyện Võ Nhai cấp ngày 30/12/2001)*.

- 702m2 đất trồng cây lâu năm thuộc Thửa số 324 Tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã L, phần diện tích này chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

***Việc phân chia thửa 324 và Thửa số 274 trên có sơ đồ đo vẽ kèm theo.**

2.4.Về án phí: Ông Luân Mạnh A thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007520 ngày 12 tháng 04 năm 2019. Hoàn trả cho ông A 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND; THA;
- Các đương sự; UBND xã;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hoàng Kim Tuấn